

Học kỳ: Học kỳ 1 - Năm học 2017-2018
Term (1731)

Lớp: 0400 (2220)
Class

STT (S/N)	MSSV (Student#)	Họ Lót (Surname)	Tên (Given Name)	KT1 (10 %)	KT2 (10 %)	KTGK (20 %)	Ghi chú (Note)
1	2150923	Đỗ Ngọc Quế	Anh	7,0	6,0	5,0	
2	2151720	Nguyễn Trần Trâm	Anh	10,0	4,0	6,0	
3	2153123	Nguyễn Ngọc Phụng	Châu	4,0	2,0	9,5	
4	2161252	Nguyễn Lê Linh	Chi	10,0	6,0	5,5	
5	2150037	Võ Thị Cẩm	Hương	10,0	4,0	6,0	
6	2161429	Phạm Lâm	Khánh	10,0	4,0	7,0	
7	2161427	Nguyễn Thanh Thiên	Kim	5,0	2,0	5,5	
8	2153058	Trần Phan Trường	Long	8,0	6,0	5,5	
9	2161514	Lê Hữu	Lộc	9,0	4,0	10,0	
10	2153053	Trần Đại	Nghĩa	5,0	2,0	4,0	
11	2161493	Nguyễn Thế Minh	Ngọc	10,0	4,0	8,5	
12	2161481	Lê Ngọc Thanh	Nhiên	10,0	10,0	10,0	
13	2160834	Võ Thị Huỳnh	Như	8,0	4,0	6,5	
14	2161472	Hồ Vũ Hoàng	Oanh	10,0	6,0	7,5	
15	2161366	Nguyễn Trần Thạch	Phi	8,0	4,0	3,5	
16	2161470	Lê Nguyễn Khả	Phiêu	5,0	4,0	8,5	
17	2160157	Nguyễn Trọng	Phúc	Vắng	Vắng	Vắng	
18	2160508	Trịnh Thu	Phượng	10,0	2,0	8,5	
19	2161551	Trương Quang	Quỳnh	10,0	8,0	5,0	
20	2161184	Trần Phụng Nhã	Quỳnh	9,0	2,0	8,0	
21	2161549	Kim Thị Cẩm	Tài	9,0	10,0	7,0	
22	2163091	Nguyễn Bằng	Tâm	Vắng	Vắng	Vắng	
23	2161544	Nguyễn Hoài	Thanh	7,0	8,0	6,5	
24	2161845	Trần Minh	Thiên	6,0	2,0	7,5	
25	2152276	Bùi Phúc	Thịnh	6,0	4,0	4,0	
26	2161843	Lâm Duy	Thịnh	10,0	8,0	7,0	
27	2160583	Phạm Đăng Quỳnh	Thơ	10,0	4,0	6,5	
28	2161524	Nguyễn Thanh	Thủy	10,0	2,0	5,5	
29	2161834	Võ Xuân Châu	Thư	9,0	2,0	6,5	
30	2161820	Nguyễn Ngọc Hoài	Trang	10,0	2,0	5,5	
31	2160904	Trương Ngọc	Trí	10,0	4,0	8,0	
32	2161336	Vũ Đặng Thanh	Trúc	10,0	2,0	5,5	
33	2162744	Lê Nguyễn Hoàng	Tuấn	10,0	2,0	3,0	
34	2161905	Hồ Thị Thanh	Tuyền	10,0	6,0	8,5	
35	2161595	Trần Anh	Tú	10,0	10,0	8,5	
36	2161906	Nguyễn Nguyên Cát	Tường	10,0	6,0	8,5	
37	2160941	Nguyễn Trần Khải	Uy	10,0	4,0	6,0	
38	2161895	Trần Thiên Kim	Uyên	10,0	4,0	8,0	
39	2151788	Nguyễn Nữ Khánh	Vy	10,0	4,0	7,5	
40	2160273	Lê Hồ Hạ	Vỹ	0,0	0,0	0,0	

Ngày tháng năm 20
Chủ nhiệm bộ môn
(Department Head)

Ngày tháng năm 20
Giảng viên phụ trách lớp
(Instructor)

Lê Thái Hùng